| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bán án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 11 - 2017
V/v Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình Thi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Tâm

Bà Phạm Kiều Diễm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc xin ly hôn có yêu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 70/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thái Y**, sinh năm: 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **HUANG KUAN CH**, sinh năm: 1985 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 200, lộ BH, khóm 007, phường CM, khu TC, thành phố CH, Đài Loan.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn chị Trần Thị Thái Y trình bày:**

Chị và anh HUANG KUAN CH quen nhau do mai mối, quá trình tìm hiểu đã nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện GR, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 22/5/2017.

Sau khi kết hôn được khoảng một tháng, thì anh CH trở về Đài Loan. Từ khi về nước ngoài, anh CH không liên lạc gì với chị nữa, mặc dù chị đã cố gắng liên hệ nhiều lần, nhưng không được.

Đến tháng 09/2017, anh CH quay sang Việt Nam yêu cầu được ly hôn với chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết những việc sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh HUANG KUAN CH.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh HUANG KUAN CH** có ý kiến bằng văn bản đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thái Y và yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh HUANG KUAN CH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết việc ly hôn với nguyên đơn chị Trần Thị Thái Y, văn bản được Văn phòng kinh tế - Văn hóa ĐB tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận hợp thức hóa lãnh sự, nên đảm bảo về mặt pháp lý. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn anh HUANG KUAN CH.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Thái Y và anh HUANG KUAN CH đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh CH, vì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không được bao lâu, thì anh CH trở về Đài Loan và không liên lạc với chị, mặc dù chị đã cố gắng liên lạc với anh CH, nhưng không thành công. Do đó, chị nhận thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc và không thể kéo dài.

Xét Văn bản đồng ý ly hôn của anh CH, anh đã có lời khai thống nhất với chị Y về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng và xác định cuộc hôn nhân này không mang lại hạnh phúc, nếu tiếp tục kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai.

Về mặt pháp lý Văn bản đồng ý ly hôn của anh CH được Văn phòng kinh tế - Văn hóa ĐB tại thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận hợp thức hóa lãnh sự là đúng theo đúng quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh CH sau khi kết hôn thời gian chung sống không lâu, thì anh CH trở về Đài Loan, hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh CH không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa chị Y và anh CH lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hơn nữa cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh CH.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thị Thái Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- *Phần tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thái Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thái Y được ly hôn với anh HUANG KUAN CH.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thái Y phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0009231 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh HUANG KUAN CH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện GR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Đình Thi**